

CTCP Thủy Điện A Vương

Ngày 31/03/2025	56,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.7%	4.6%	13.3%

DT thuần Q1/25
131
tỷ VNĐ
QoQ: ▼144 -52.5%
YoY: ▲ 39.0 42.1%

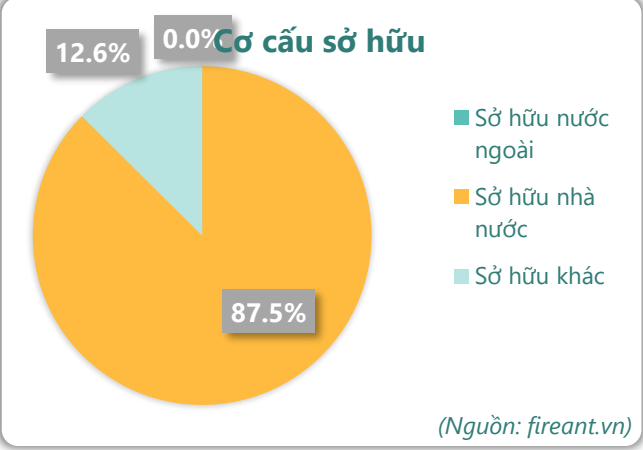
LN thuần Q1/25
73.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼88.3 -54.5%
YoY: ▲ 33.7 84.3%

LN sau thuế Q1/25
59.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼71.2 -54.4%
YoY: ▲ 26.5 79.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
56.4%
YoY: +/-▼ 3.3%

ROE (TTM) Q1/25
30.6%
YoY: +/-▲ 1.3%

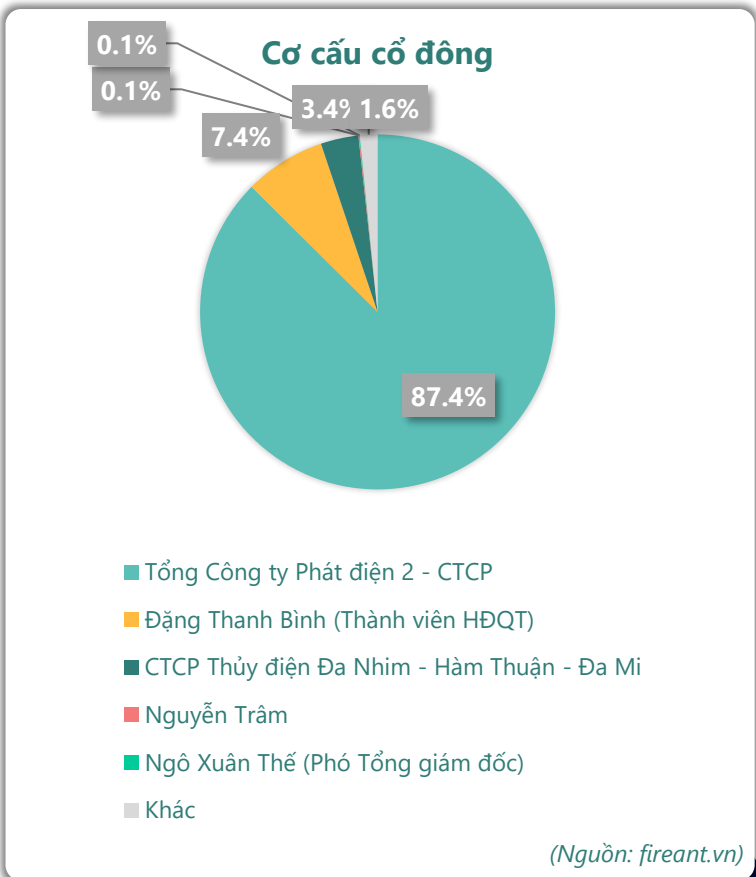
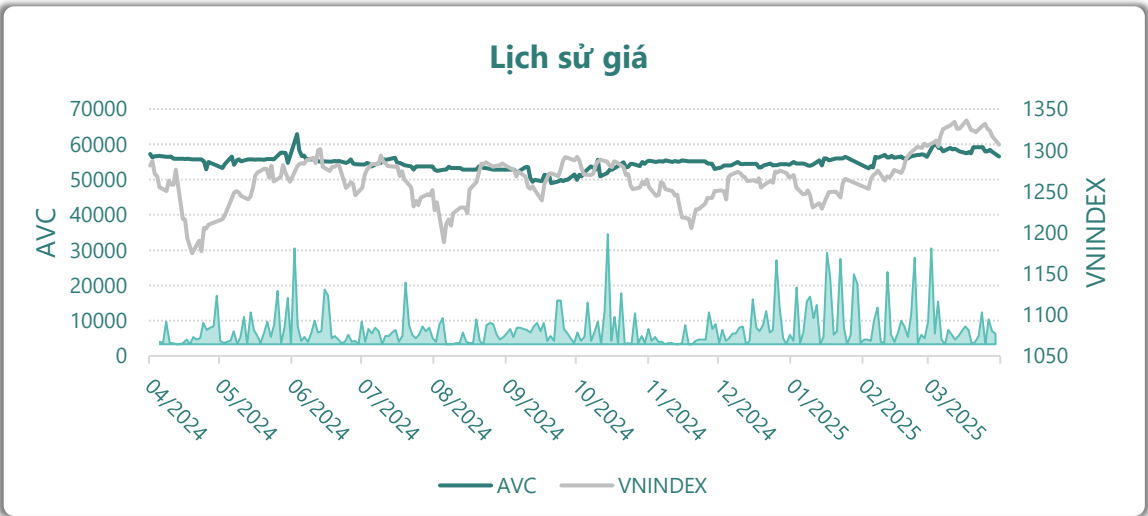
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	48,988 - 62,916
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,248
Số lượng CPLH (CP)	75,052,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	740
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.11
EPS	4,379
P/E	12.9



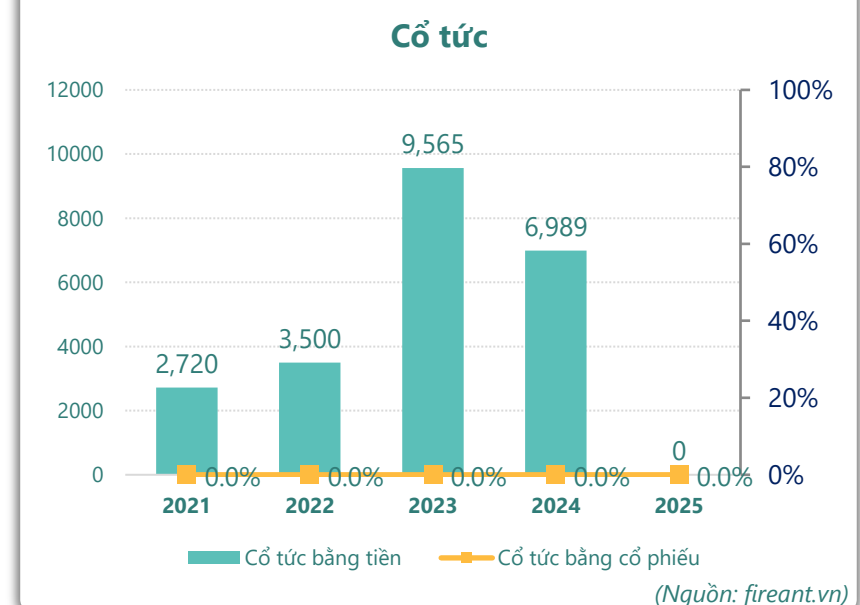
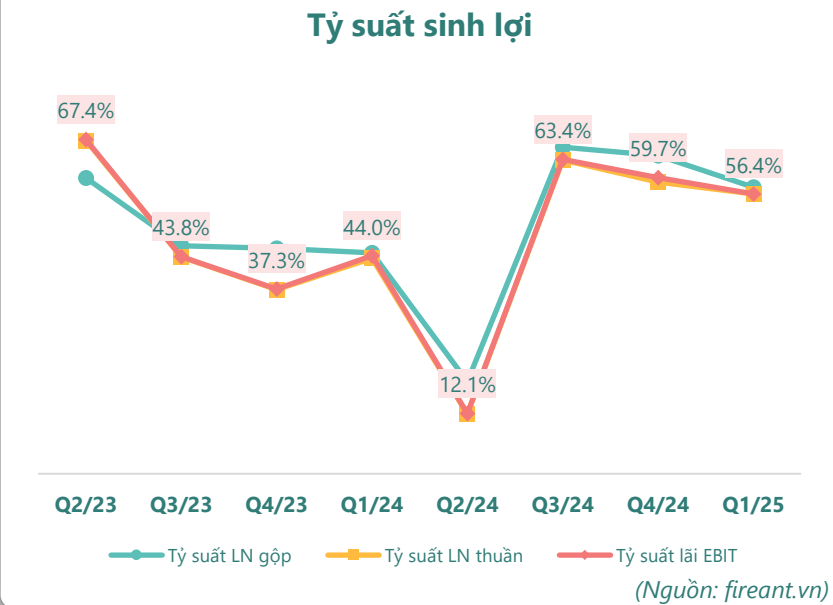
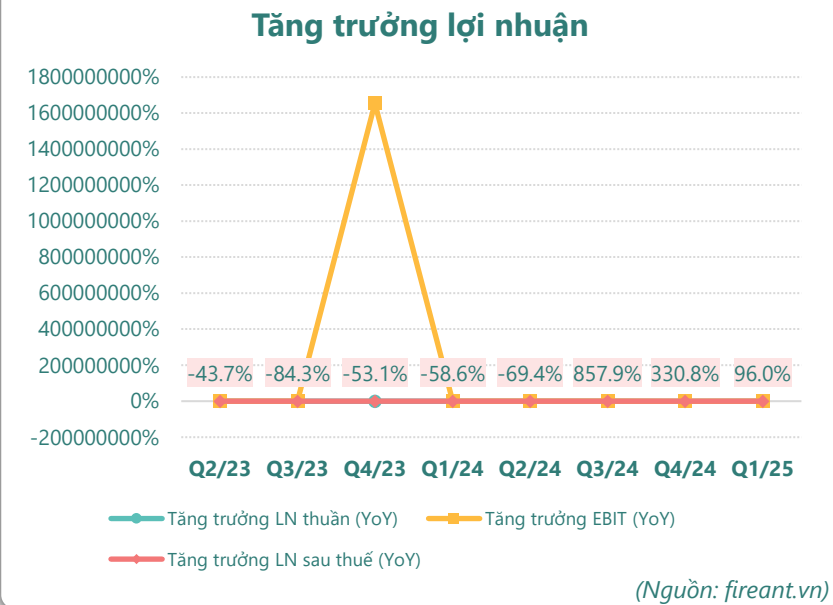
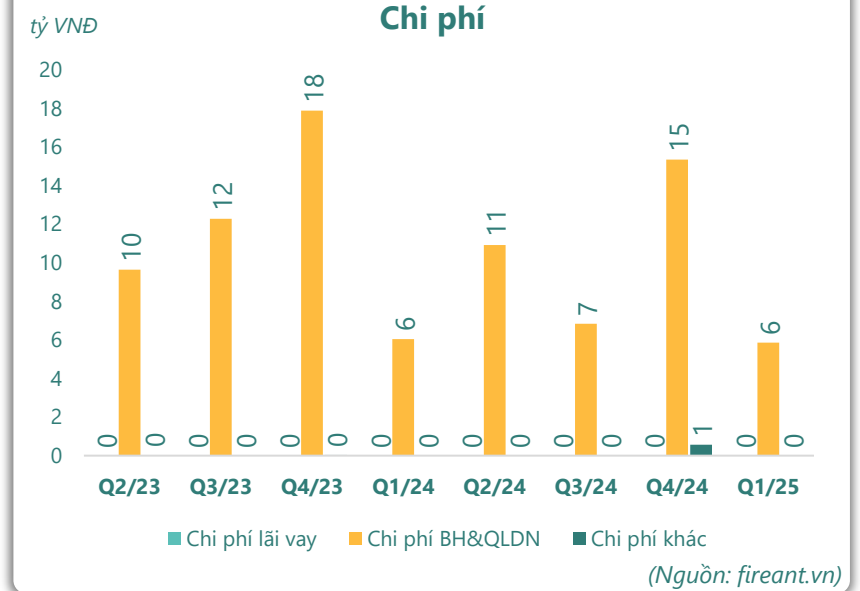
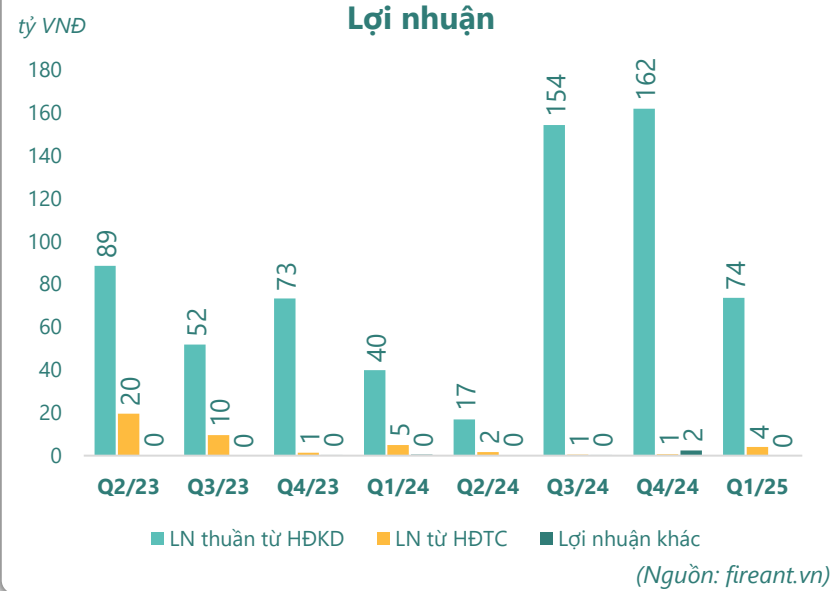
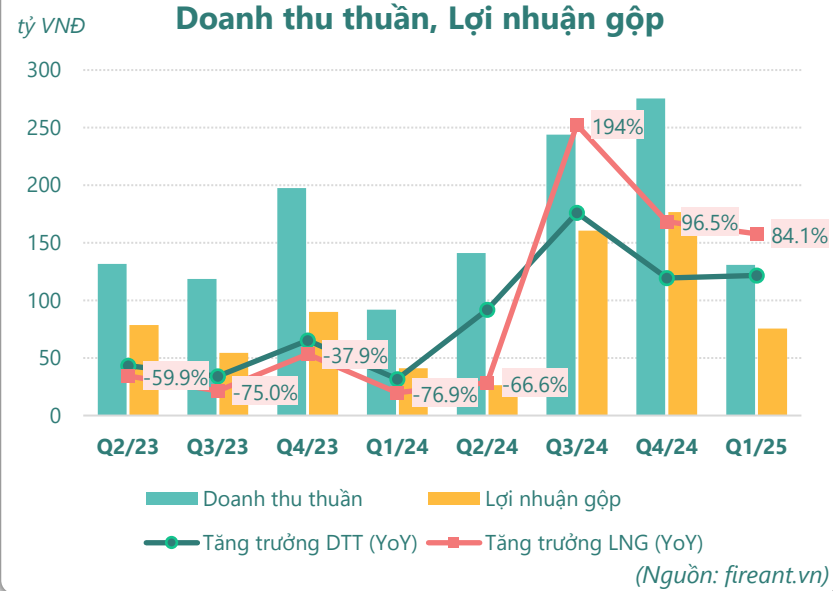
DT thuần 2024
752
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.0 8.0%

LN thuần 2024
367
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.0 -4.7%

LN sau thuế 2024
297
tỷ VNĐ
YoY: ▼49.0 -14.2%



KẾT QUẢ KINH DOANH



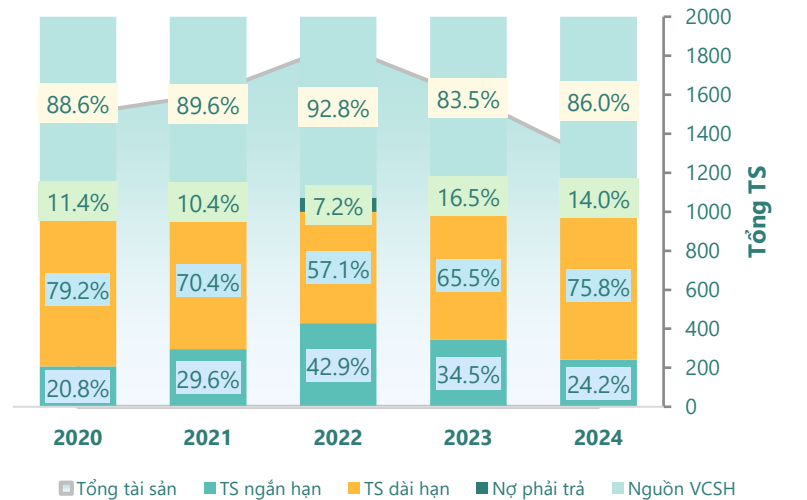


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

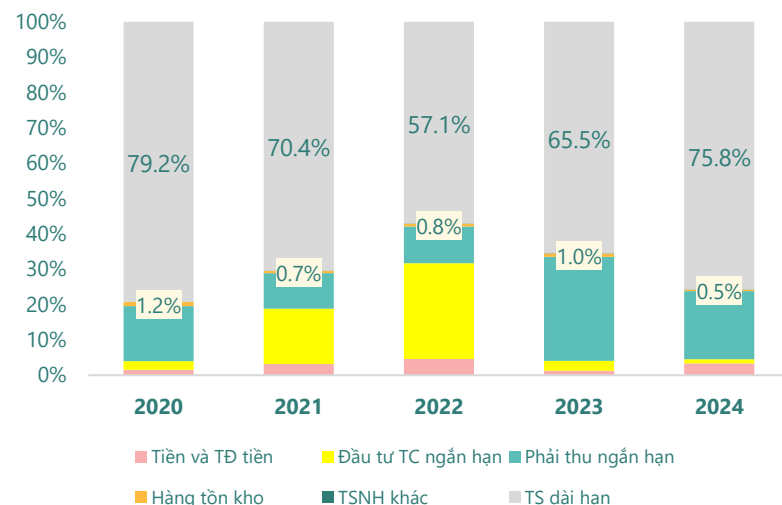
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

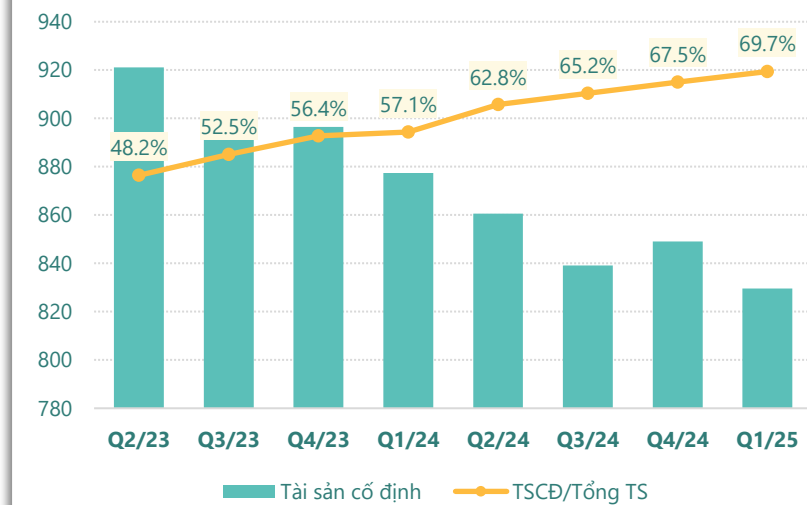
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

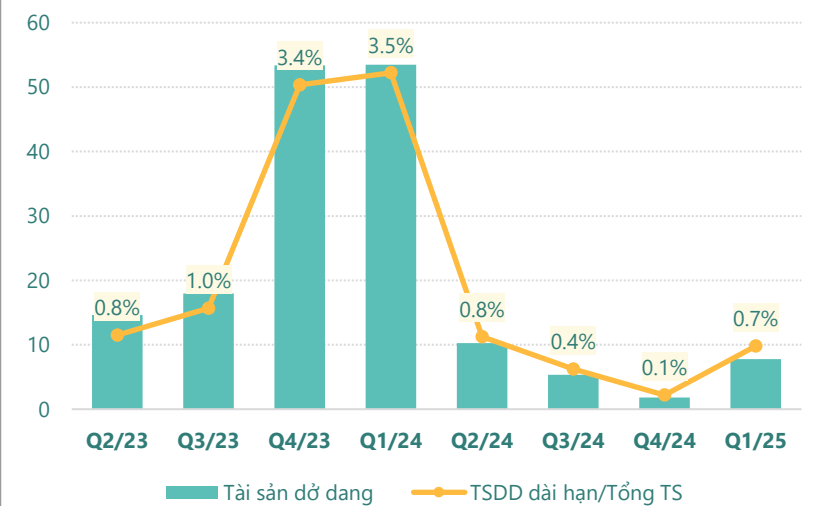
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

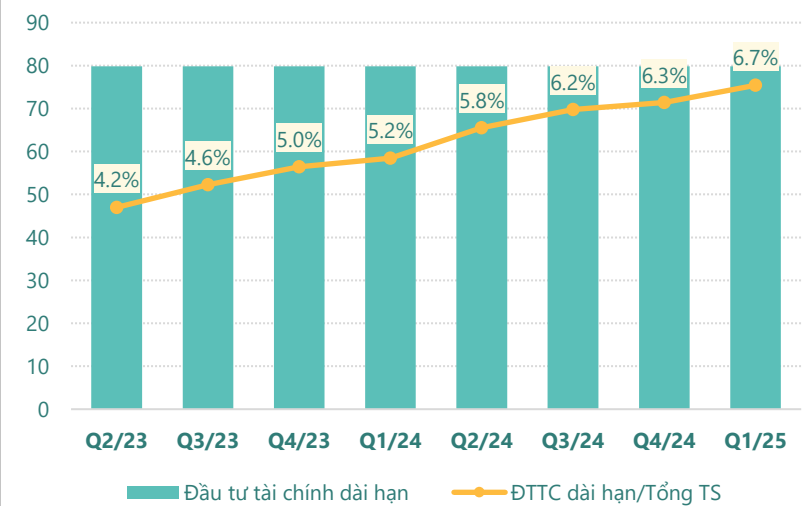
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

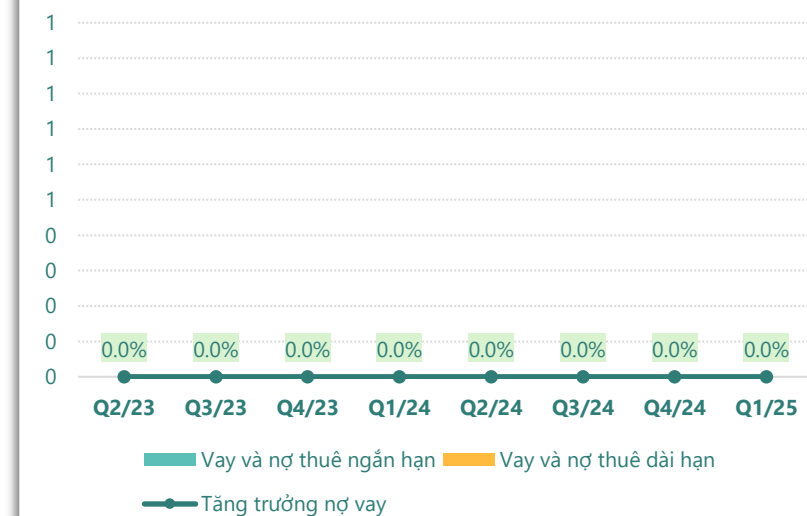
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

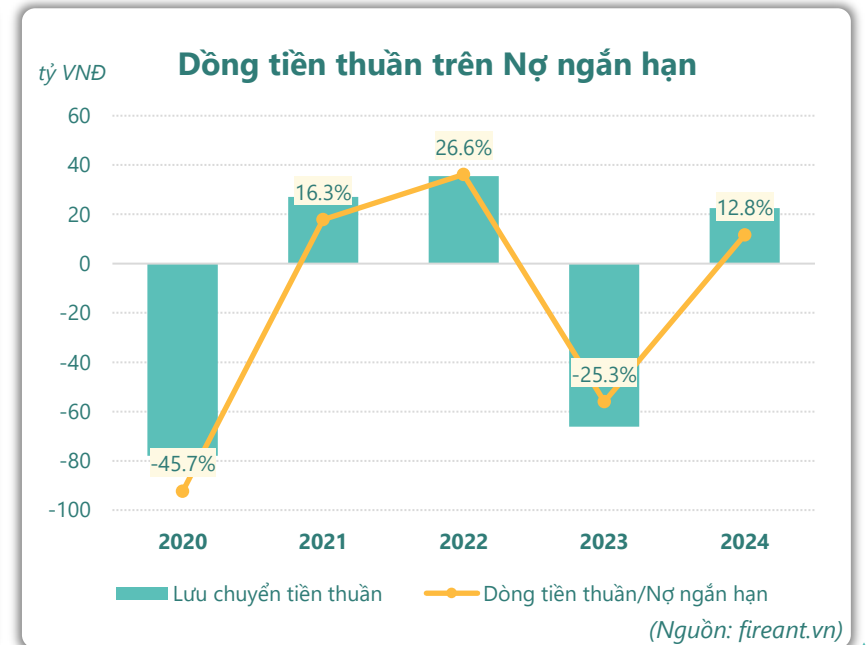
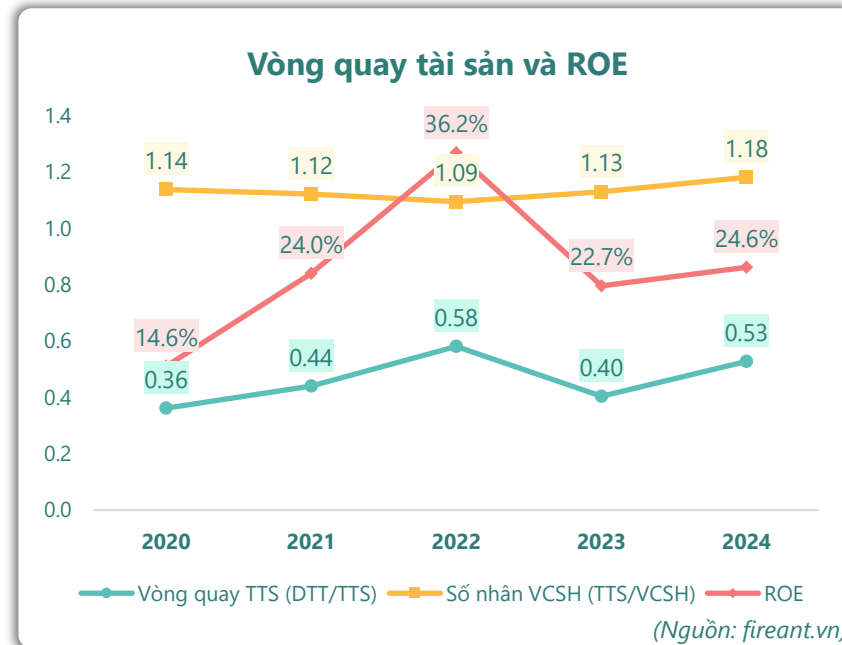
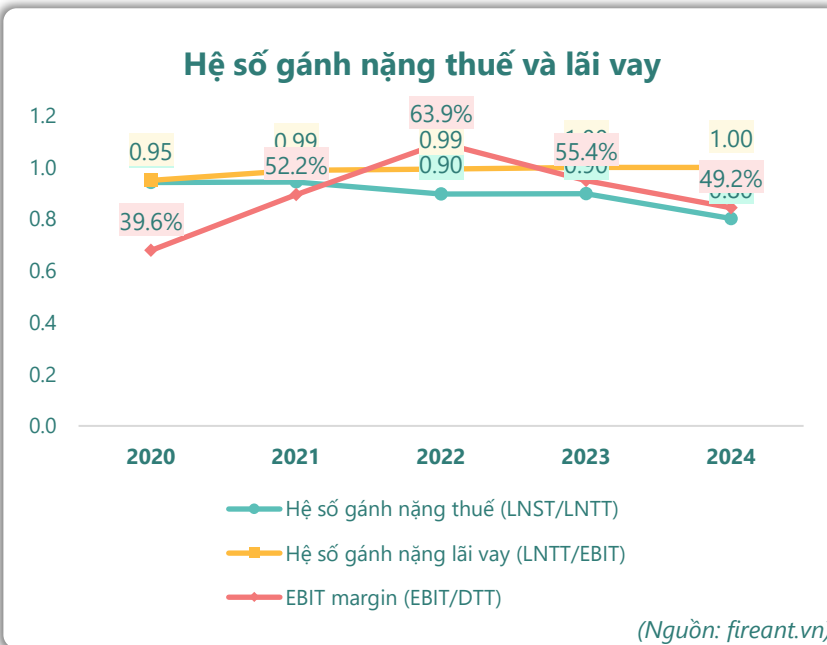
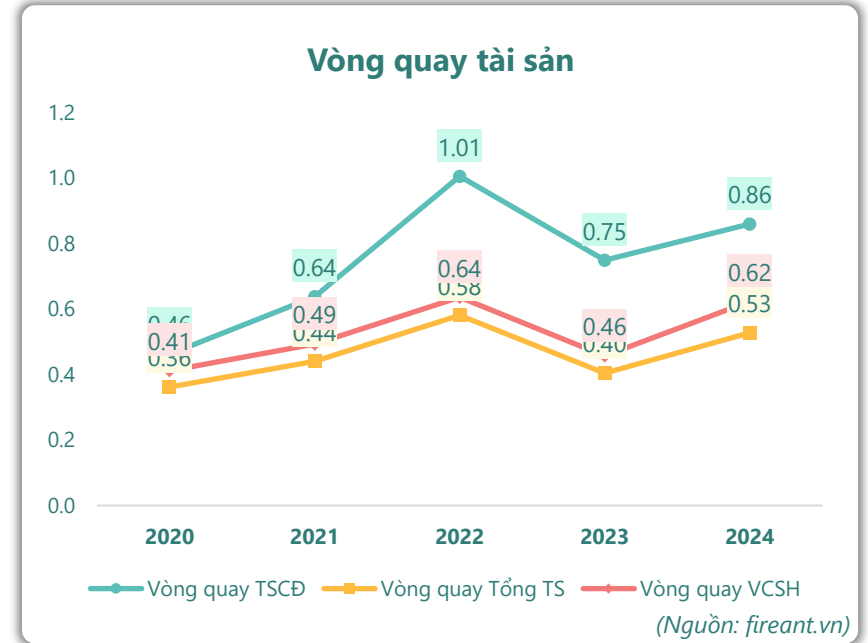
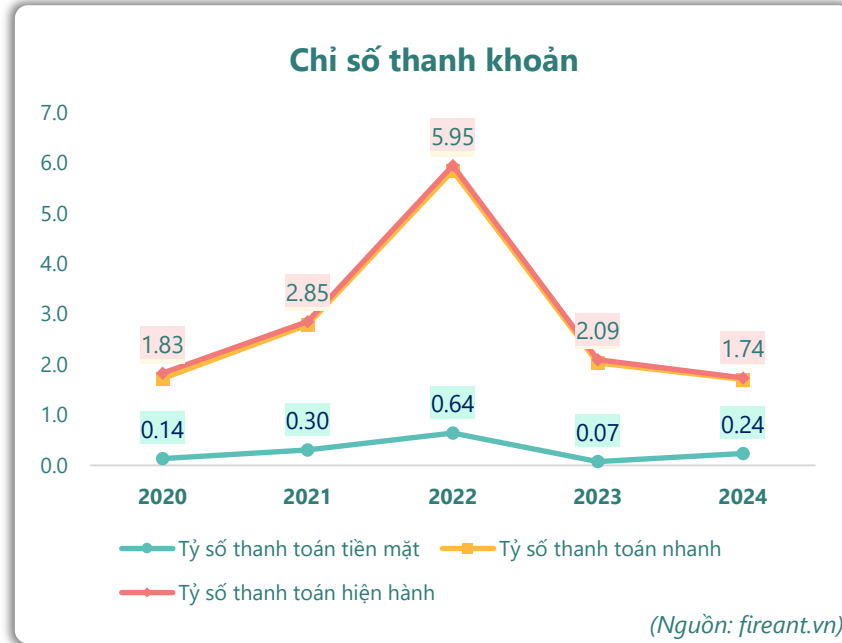
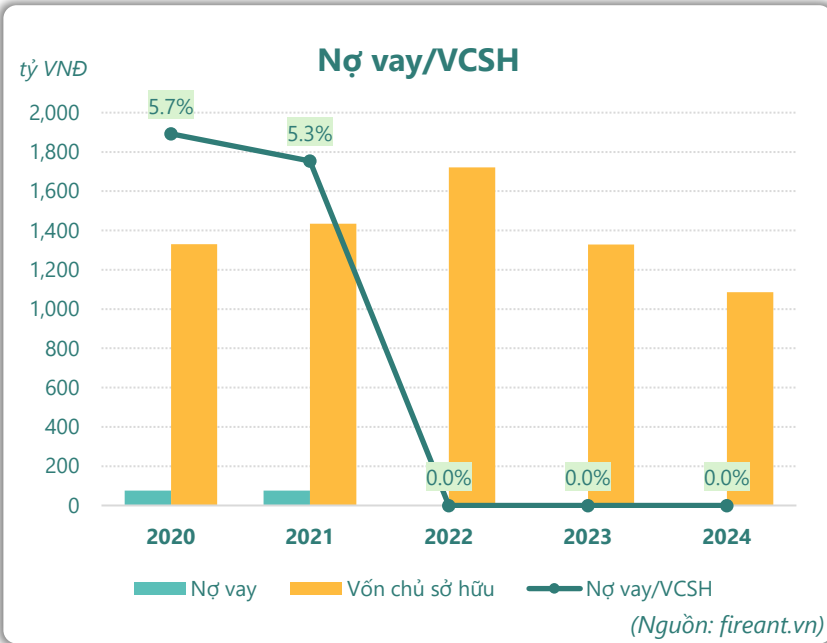
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	131	92.0	42.1%	752	697	8.0%
Giá vốn hàng bán	55.2	51.0	8.2%	350	297	17.7%
Lợi nhuận gộp	75.5	41.0	84.2%	403	400	0.7%
Doanh thu HĐTC	4.06	5.00	-18.8%	7.84	36.1	-78.3%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	5.86	6.04	-2.9%	43.4	50.3	-13.8%
LN thuần từ HĐKD	73.7	40.0	84.3%	367	385	-4.7%
Lợi nhuận khác	0.04	0.48	-91.5%	3.47	0.65	437%
LN trước thuế	73.8	40.5	82.1%	370	386	-4.0%
Lợi nhuận sau thuế	59.8	33.3	79.5%	297	346	-14.2%
LNST của CĐ cty mẹ	59.8	33.3	79.5%	297	346	-14.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.32	192	131	101	175	76.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	256	-111	35.1	87.0	0.25	-63.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-244	-38.1	-172	-210	-168	-34.7
Tiền đầu kỳ	4.11	19.6	62.5	57.0	34.8	42.1
Lưu chuyển tiền thuần	15.5	42.9	-5.46	-22.2	7.30	-21.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.6	62.5	57.0	34.8	42.1	20.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,190	1,261	-5.6%
Tài sản ngắn hạn	254	306	-16.9%
Tiền và tương đương tiền	20.6	42.1	-51.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	101	15.0	573%
Phải thu ngắn hạn	127	243	-47.5%
Hàng tồn kho	4.76	5.69	-16.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.10	0.15	-32.3%
Tài sản dài hạn	936	956	-2.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	830	853	-2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.78	1.83	324%
Đầu tư tài chính dài hạn	79.8	79.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	19.3	20.9	-8.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.2	176	-74.3%
Nợ ngắn hạn	45.2	176	-74.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.64	11.5	-33.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,145	1,085	5.5%
Vốn chủ sở hữu	1,145	1,085	5.5%
Vốn điều lệ	751	751	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

